

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

QUẢN THỊ DIỆP

**GIÁ TRỊ VÀ VỊ TRÍ CỦA *SÔNG MÒN*  
TRONG SỰ NGHIỆP VIẾT CỦA NAM CAO**

LUẬN VĂN THẠC SĨ VĂN HỌC VIỆT NAM

Thái Nguyên - 2013

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

QUẢN THỊ DIỆP

**GIÁ TRỊ VÀ VỊ TRÍ CỦA *SÔNG MÒN*  
TRONG SỰ NGHIỆP VIẾT CỦA NAM CAO**

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 60220121

LUẬN VĂN THẠC SĨ NGỮ VĂN

Người hướng dẫn khoa học: GS. Phong Lê

Thái Nguyên - 2013

## LỜI CẢM ƠN

Với lòng biết ơn sâu sắc, tác giả xin chân thành cảm ơn GS. Phong Lê, người thầy đã tận tâm giúp đỡ, hướng dẫn, động viên tác giả trong suốt quá trình thực hiện đề tài.

Tác giả luận văn cũng xin chân thành cảm ơn:

Các thầy cô giáo cộng tác và các cấp quản lí, lãnh đạo của Trường trung học phổ thông chuyên Bắc Kạn.

Khoa Ngữ văn, Khoa Sau Đại học, các quý thầy cô giảng dạy lớp cao học Văn K19 - trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên đã tạo điều kiện cho tác giả học tập và nghiên cứu.

Toàn thể các anh chị em, bạn bè và gia đình đã quan tâm giúp đỡ.

*Xin chân thành cảm ơn!*

Thái Nguyên, 4 năm 2013

**Tác giả**

Quản Thị Diệp

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả, số liệu nêu trong luận văn này là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kì công trình nào khác

**Người viết cam đoan**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Quản Thị Diệp**

## MỤC LỤC

	Trang
Trang bìa phụ	
Lời cảm ơn .....	i
Lời cam đoan.....	ii
Mục lục.....	iii
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>Chương 1: BỐI CẢNH XÃ HỘI 1941 – 1945, ĐỜI SỐNG VĂN HỌC VÀ SỰ NGHIỆP SÁNG TÁC CỦA NAM CAO</b> .....	<b>8</b>
<b>1.1 Bối cảnh xã hội Việt Nam thời kì tiền Cách mạng 1941 - 1945</b> .....	<b>8</b>
<b>1.2 Các khuynh hướng văn học</b> .....	<b>9</b>
<b>1.3 Sự nghiệp sáng tác của Nam Cao</b> .....	<b>11</b>
1.3.1. Đôi nét về tiểu sử.....	11
1.3.2. Sáng tác của Nam Cao trước và sau Cách mạng tháng Tám - 1945	14
1.3.3. <i>Sống mòn</i> trong sự nghiệp sáng tác của Nam Cao .....	16
<b>Chương 2: GIÁ TRỊ NỘI DUNG CỦA <i>SỐNG MÒN</i></b> .....	<b>19</b>
<b>2.1. Người trí thức, một trong hai chủ đề lớn mà Nam Cao theo đuổi.</b>	<b>19</b>
2.1.1. Người nông dân trong quá trình bản cùng hoá và lưu manh hoá .....	19
2.1.2. Người trí thức tiểu tư sản nghèo trong vật lộn với cuộc mưu sinh và bế tắc về đời sống tinh thần .....	23
<b>2.2. Khát vọng sống và cống hiến của người trí thức kiểu Nam Cao....</b>	<b>25</b>
2.2.1. Khát vọng sống cao đẹp của người trí thức kiểu Nam Cao.....	25
2.2.2. Khát khao cống hiến và thực hiện lí tưởng của người trí thức tiểu tư sản.	28
<b>2.3. Sự thui chột, đổ vỡ dần khát vọng sống của người trí thức và nguyên nhân</b> .....	<b>32</b>
2.3.1. Sự thui chột, đổ vỡ và bế tắc của người trí thức.....	32
2.3.2. Cắt nghĩa các nguyên nhân dẫn đến sự <i>Sống mòn</i> của người trí thức.	40

<b>2.4. Người trí thức trong mối quan hệ với nhân quần .....</b>	<b>42</b>
2.4.1. Người trí thức trong quan hệ với đồng nghiệp và tầng lớp dân nghèo thành thị .....	42
2.4.2. Người trí thức trong quan hệ với gia đình và làng quê .....	45
<b>Chương 3: GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT CỦA SỐNG MÒN .....</b>	<b>49</b>
<b>3.1. Nghệ thuật phân tích tâm lí và đúc kết triết lí bậc thầy .....</b>	<b>49</b>
3.1.1. Nghệ thuật phân tích tâm lí của Nam Cao.....	49
3.1.2. Nghệ thuật đúc kết triết lí của Nam Cao .....	54
<b>3.2. Nghệ thuật tổ chức thể loại độc đáo .....</b>	<b>58</b>
3.2.1. Nam Cao viết tiểu thuyết như tự truyện .....	58
3.2.2. Giá trị điển hình và tính phổ quát.....	62
<b>3.3. Không gian, thời gian nghệ thuật.....</b>	<b>66</b>
3.3.1. Không gian chật chội, tù túng .....	67
3.3.2. Thời gian ứ đọng, trì trệ và dồn nén .....	71
<b>3.4. Đặc sắc ngôn ngữ của Nam Cao .....</b>	<b>75</b>
3.4.1. Ngôn ngữ tác giả kiệm lời, đầy suy ngẫm và triết lí .....	75
3.4.2. Ngôn ngữ nhân vật sống động phù hợp tính cách và hành động .....	77
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>80</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>83</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

1.1. Khi còn học phổ thông dù chỉ đọc vắn vện có mấy truyện ngắn *Chí Phèo*, *Đời thừa*, *Lão Hạc*, *Đôi mắt* của Nam Cao in trong các sách giáo khoa nhưng tôi rất say mê. Tôi thường đọc đi đọc lại nhiều lần những tác phẩm đó mà không biết chán. Đọc văn Nam Cao tôi như bị ám ảnh bởi dư vị đắng cay, chua xót về những kiếp người đau khổ bế tắc, bất lực như lão Hạc, Chí Phèo...; hay Thứ, Điền, Hộ...

1.2. Khi có điều kiện tiếp xúc với nhiều tác phẩm của Nam Cao, tôi càng cảm phục tài năng của ông hơn; và thấy vui sướng khi biết được sự nhìn nhận cảm tính lâu nay của mình là đúng. Bởi các nhà nghiên cứu phê bình đã nhìn nhận Nam Cao là một "nhà văn hiện thực phê phán xuất sắc nhất", một "người kết thúc vẻ vang trào lưu hiện thực" (GS. Phong Lê). Thế nhưng cuộc đời của Nam Cao lại gặp nhiều trắc trở éo le; khi phải sống trong những năm tháng đen tối của chế độ thực dân nửa phong kiến, ông luôn phải chống chọi với cái đói, cái nợ áo cơm mà không sao thoát ra được. Tài văn của Nam Cao lúc sinh thời không được đánh giá đúng, nhiều tác phẩm ông viết ra bị nhà xuất bản bấy giờ từ chối, rẻ rúng. Nhưng trong cái xã hội bóp nghẹt sự sống con người đó, người trí thức "trung thực vô ngần" (lời Tô Hoài) ấy luôn nghiêm khắc tự đấu tranh bản thân để vươn mình, cố thoát ra khỏi lối sống tầm thường, nhỏ nhen, khát khao hướng tới "tâm hồn trong sạch và mơ tới những cảnh sống, những con người thật đẹp" (Nhật kí Nam Cao, ghi ngày 31- 8 - 1950).

1.3. Nam Cao ra đi khi tuổi đời còn rất trẻ, ở tuổi ba mươi sáu (1915 – 1951) đang ở độ "chín" về tư tưởng và tài năng; ra đi khi đang ấp ủ viết một cuốn tiểu thuyết lớn về quê hương mình. Ông chỉ kịp để lại một tiểu thuyết duy nhất là *Sống mòn* (viết 1944; in 1956); ngoài *Truyện người hàng xóm* mới

chỉ được đăng báo, còn các tiểu thuyết khác như *Cái bát*, *Một đời người* thì bị mất bản thảo. *Sống mòn* với thân phận, số phận người trí thức nghèo trong chế độ cũ. Trong bài tổng kết *Hội thảo về Nam Cao nhân 40 năm mất*, vào tháng 12 – 1992 Gs. Phong Lê viết về *Sống mòn* "Một bút pháp tự sự độc đáo; một chủ nghĩa hiện thực tâm lý nghiêm ngặt; một cảm quan hiện thực nhìn từ sâu, nhìn từ trong; một khát vọng nhân văn được chiêm nghiệm và đúc kết từ bản thân và từ những gã, hấn, y; một khả năng khám phá và dự báo; một cách khái quát hiện thực giàu sức chứa và sức mở đã đem lại cho thiên tiểu thuyết may mắn còn sống sót lại và cũng có một không hai này những giá trị có thể nói là ổn định, là trường tồn". Vì vậy, nghiên cứu giá trị và vị trí của tiểu thuyết *Sống mòn* trong sự nghiệp viết văn của Nam Cao là việc làm cần thiết và có ý nghĩa. Đây là một trong những lí do cơ bản để chúng tôi mạnh dạn khai thác đề tài dưới cái nhìn có tính chiều sâu, hệ thống và tính thời sự sâu sắc.

## 2. Lịch sử vấn đề:

2.1. Trong dòng văn học hiện thực thời kì 1930 – 1945, Nam Cao đã tự khẳng định được mình với tư cách là nhà văn luôn tìm tòi đổi mới cả về nội dung phản ánh lẫn phương thức thể hiện. Kể từ sau 1945, đúng ra là từ sau ngày mất – 1951, lịch sử nghiên cứu về Nam Cao mới thực sự được bắt đầu và từ đây ngày một dày thêm, mỗi ngày lại góp thêm một kiến giải mới mẻ. Tuyệt đại đa số các ý kiến đều thống nhất khẳng định tầm vóc và những đóng góp quan trọng của Nam Cao cho văn học Việt Nam hiện đại, đặc biệt là trong quá trình hiện đại hoá văn học Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX. Tuy nhiên, phần lớn các nhận xét, đánh giá ấy chủ yếu tập trung vào khu vực truyện ngắn. Những nhận xét về *Sống mòn* mặc dù rất xác đáng, quý giá nhưng chưa nhiều.



Tác giả Hà Minh Đức trong bài viết *Nam Cao phê phán và tự phê phán*, đã có nhận xét thiên về nội dung – tư tưởng: "Trong truyện ngắn và tiểu thuyết của Nam Cao, những nhân vật trí thức nghèo thường có ý thức tự phê phán lại là bóng dáng của chính tác giả. Điền trong *Giăng sáng*, Hộ trong *Đời thừa*, Thứ trong *Sống mòn* đều là những nhân vật cùng một kiểu tính cách, một loại tâm trạng. Trong bản chất họ là những người tốt, giàu ước mơ, muốn đóng góp và trở thành người có ích cho đời. Họ coi trọng tri thức, muốn đem tri thức để cải tạo cuộc sống. Nhưng trở trêu thay họ lại là nạn nhân của hoàn cảnh" [16; 204-205].

Tác giả Trần Đăng Suyền trong bài viết *Thời gian và không gian trong thế giới nghệ thuật của Nam Cao* lại có những phân tích tìm hiểu trên phương diện nghệ thuật, tập trung ở không gian và thời gian. Tác giả kết luận: "Cái thời gian hằng ngày để tìm kiếm miếng ăn đã choán gần hết những giây phút sáng tạo của Thứ trong *Sống mòn*. Không gian trong sáng tác của Nam Cao là không gian hướng nội, không gian nhỏ hẹp, không gian được kiến tạo trong tầm nhìn của nhân vật" [42; 230].

Như vậy, mặc dầu chỉ là đan xen vào phân tích, tìm hiểu thế giới nghệ thuật của tác phẩm Nam Cao nói chung nhưng các tác giả đã cho thấy những đặc điểm cơ bản của tiểu thuyết *Sống mòn*. Theo đó, *Sống mòn* là tác phẩm đã đề cập đến cái đói và miếng ăn (Nguyễn Đăng Mạnh), là tiếng nói mang dáng dấp tiếng nói của người trong cuộc. *Sống mòn* đã vẽ ra một không gian mang tính hướng nội rõ nét, thời gian thì quấn quanh xen lẫn những việc làm tẻ nhạt, buồn chán. Thái độ của Nam Cao trong các tác phẩm, kể cả *Sống mòn* là khá rõ ràng, không nước đôi, không lưỡng lự. Nam Cao là nhà văn luôn trung thực với chính mình, là nhà văn nghiêm nhặt, các nhân vật chính trong tác phẩm nói về người trí thức đa phần là mẫu hình của Nam Cao, là hiện thân của một khía cạnh, một phẩm chất, một tính tình của Nam Cao. Bởi thế, hầu

hết các tác giả nghiên cứu đều đánh giá cao tâm tư tưởng đạo đức của người trí thức Nam Cao. Đây chính là một trong những lí do quan trọng để công chúng bạn đọc ở bất kì một giai đoạn lịch sử nào từ sau 1945 đều yêu mến trang văn của Nam Cao. Dĩ nhiên để chinh phục được bạn đọc với những "con mắt tinh đời", ngoài yếu tố tư tưởng, nhà văn còn phải biết chuyển hoá tư tưởng đó vào tác phẩm một cách nghệ thuật. Các thủ pháp, biện pháp nghệ thuật mà nhà văn sử dụng phải thật sự phù hợp với tư tưởng, đem lại hiệu quả thẩm mỹ cao. Các tác giả khi nghiên cứu về Nam Cao cũng đã đánh giá cao nhà văn về phương diện sử dụng các biện pháp nghệ thuật, đặc biệt là lối hành văn, cách kết cấu tác phẩm, kiến tạo không gian, thời gian...

2.2. Đỗ Đức Hiểu, ở bài viết *Hai không gian sống trong "Sống mòn"*, nhận xét: "Nhu vậy, sức năng động của *Sống mòn*, chính là sự xung đột giữa không gian xã hội ("xó nhà quê" và ngoại ô Hà Nội nhem nhuốc) và không gian tinh thần, mơ ước, không gian hồi tưởng, không gian khát vọng; Thứ vào Sài Gòn, nuôi giấc mộng đi Pháp, đến Mác – xây. Thứ chăm học, lúc nào cũng đọc sách, đọc để mở rộng tầm mắt ra không gian thế giới để nhìn sâu vào tâm hồn con người. Thứ "sẽ đi bất cứ đâu" "sẽ ra đi" "sẽ đi liêu"; song hiện tại anh đang ở trên con tàu mang anh về "làng mạc xo ro" và "Hà Nội sẽ lùi, lùi dần", Hà Nội "vẫn lùi". "Sống tức là đã thay đổi..." [42; 178]. Đặc biệt, khi bàn đến nghệ thuật kiểu tiểu thuyết tự truyện trong *Sống mòn*, Đỗ Đức Hiểu nhấn mạnh: "Tiểu thuyết kiểu tự truyện này gợi người đọc nhớ đến Rutxô, nhà văn Pháp đầu tiên viết tự truyện trong *Tự thú*, gợi nhớ đến Gide, nhà văn đa dạng có ảnh hưởng sâu rộng trong văn xuôi Việt Nam 1930 – 1945: "Xê dịch", "bướm trắng", "cái đẹp thuần túy", "sống là thay đổi", và ở *Sống mòn*, sự phá vỡ cái tầm thường, cái sáo mòn, cái đóng kín, cái tù hãm trong bản thân mỗi người; về một phương diện, tác phẩm Gide là văn chương của người trí thức đi tìm bản thân mình trên con đường vô tận. *Sống mòn* gây